

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09 /2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 17 – 02 – 2023
V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Loan

Ông Trương Công Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023, tại Hội trường B Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2022, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/01/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Đặng Quốc T** - sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 261/1, tổ 19, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Chị **Mai Phương Quỳnh T1** - sinh năm: 1987.

HKTT: Số 261/1, tổ 19, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số 133/1, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Anh T, chị T1 đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh **Đặng Quốc T** trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Mai Phương Quỳnh T1 tự nguyện yêu thương nhau khoảng 05 tháng, sau đó đi đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/12/2013. Đây là hôn nhân lần đầu của anh.

Sau khi kết hôn anh và chị T1 sống chung tại nhà của cha mẹ anh tại địa chỉ xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 01 năm sau đó anh vi phạm pháp luật, phải đi chấp hành án phạt tù (02 năm 03 tháng). Sau khi trở về cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng anh chị thường xuyên cãi vã do không thống nhất được quan điểm về cách sống, công việc. Những mâu thuẫn ngày càng lớn vợ chồng không thể dung hòa được. Rất nhiều lần vợ chồng đã ngồi lại với nhau để thỏa thuận giải quyết, tuy nhiên không thành. Một phần do chị T1 không chấp nhận được việc anh phải đi tù nên cuộc sống vợ chồng không còn tôn trọng lẫn nhau.

Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên khoảng 05 – 06 năm nay vợ chồng đã sống ly thân, chị T1 chuyển về nhà cha mẹ đẻ ở, còn anh vẫn ở nhà cùng cha mẹ, từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau, mạnh ai nấy sống độc lập về mọi mặt. Trong thời gian ly thân chị T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh thỉnh thoảng có về thăm con đưa con đi chơi và mua đồ dùng cho con. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cả hai đều không có ý thức hàn gắn quan hệ vợ chồng, không còn muốn quay về chung sống với nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng cũng được bạn bè, gia đình khuyên can và hòa giải nhiều lần nhưng không được.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng hàn gắn anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Mai Phương Quỳnh T1.

Về con chung: Vợ chồng anh chị chung sống có 01 (một) con chung là cháu Đặng Ngọc Bảo C, sinh ngày 05/11/2014. Khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị T1 được trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con 18 tuổi. Hiện nay anh làm công nhân tại công ty FULLWAY thu nhập bình quân hàng tháng là khoảng 8 triệu đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến trình bày của bị đơn chị Mai Phương Quỳnh T1:** Chị T1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và chứng cứ, tài liệu có liên quan về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các buổi làm việc và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận ý kiến trình bày.

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai:**

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, tuy nhiên do nguyên đơn Anh Đặng Quốc T có “Đơn xin xét xử vắng mặt”, bị đơn chị Mai Phương Quỳnh T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Quốc T được ly hôn với chị Mai Phương Quỳnh T1; Về con chung: Giao cháu Đặng Ngọc Bảo C, sinh ngày 05/11/2014 cho chị Mai Phương Quỳnh T1 được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị T1 mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng); Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc anh Đặng Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”. Bị đơn chị Mai Phương Quỳnh T1 hiện đang cư trú tại số 133/1, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Đặng Quốc T và chị Mai Phương Quỳnh T1 tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 12/12/2013. Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của anh T và chị T1 là hợp pháp.

Về yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị T1, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua trình bày của đương sự tại tòa án cho thấy quá trình chung anh chị đã để xảy ra mâu thuẫn kéo dài (khoảng 5-6 năm) nhưng không được khắc phục. Trong cuộc sống vợ chồng đã thiếu sự quan tâm, thấu hiểu và chia sẻ nên đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến phải sống ly thân. Anh T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ do vợ chồng đã không còn sống chung với nhau trong thời gian dài, không còn sự quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống gia đình nên yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình chị T1 và địa phương nơi cư trú, cho thấy chị T1 vẫn sinh sống tại nhà mẹ ruột cùng con gái, đi làm hàng ngày. Bà Phạm Thị M là mẹ ruột của chị T1 cung cấp thông tin cho rằng mâu thuẫn vợ chồng anh T, chị T1 phát sinh kéo dài nhiều năm nay. Nguyên nhân do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không có trách nhiệm với gia đình, thời gian qua anh chị không còn liên lạc với nhau. Tòa án thông báo về nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà M không đồng ý nhận thay cho chị T1 do bà cho rằng vợ chồng anh T và chị T1 tự có trách nhiệm với cuộc sống hôn nhân, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết văn bản tố tụng theo quy định, tuy nhiên, chị T1 không có ý kiến bằng văn bản về yêu cầu khởi kiện của anh T gửi cho Tòa án, cũng không đến Tòa án để tham gia các buổi làm việc.

Qua trình bày của anh T và kết quả xác minh của người thân của anh chị, cũng như chính quyền địa phương cho thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh chị đã thiếu sự quan tâm, yêu thương và tôn trọng lẫn nhau trong thời gian dài, vợ chồng sống ly thân và không còn sự quan tâm lẫn nhau. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án cho thấy chị T1 có thái độ bỏ mặc, không còn sự quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm của chị và anh T đã bị rạn nứt. Anh T cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra. Tòa án cũng không có điều kiện để hòa giải mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị. Nhận thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của anh T và chị T1 đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ để chung sống, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về nuôi con chung:*

Vợ chồng anh T và chị T1 chung sống có 01 (một) con chung là cháu Đặng Ngọc Bảo C, sinh ngày 05/11/2014, hiện đang do chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T đề nghị giao con cho chị T1 nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng. Nguyên vọng của cháu C tại tòa án là mong muốn được sống cùng với mẹ.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, nhận thấy: Quá trình vợ chồng anh T và chị T1 xảy ra mâu thuẫn phải sống ly thân, cháu C do chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh T thỉnh thoảng vẫn qua lại thăm và đưa con đi chơi cũng như mua đồ cho con. Chị T1 hiện nay đang làm công nhân có thu nhập ổn định, ngoài ra có chị sống cùng mẹ ruột nên có điều kiện được phụ giúp việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C. Mặc dù chị T1 không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung tại Tòa án, tuy nhiên yêu cầu của anh T về việc giao con cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay chị T1 đang trực tiếp nuôi con và nguyên vọng của cháu C tại tòa án là muốn sống cùng với mẹ, do vậy Tòa án cần ghi nhận.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Về cấp dưỡng nuôi con, anh T đề nghị được cấp dưỡng nuôi con cùng chị T1 hàng tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng. Nhận thấy, việc cấp dưỡng nuôi con sẽ đảm bảo cuộc sống của con được tốt hơn, đảm bảo quyền lợi của con theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 11, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Quốc T về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Đặng Quốc T được ly hôn với chị Mai Phương Quỳnh T1.

2. *Về nuôi con chung:* Giao cháu Đặng Ngọc Bảo C, sinh ngày 05/11/2014 cho chị T1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đặng Quốc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị T1 hàng tháng, mức cấp dưỡng 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng. Thời điểm bắt đầu cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, thời điểm kết thúc cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Đặng Quốc T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Anh Đặng Quốc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008940 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Đặng Quốc T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo:* Anh Đặng Quốc T và chị Mai Phương Quỳnh T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- Chi cục THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã G, H, T, T. Đồng Nai (số ĐKKH 207 quyền số 02/2013 ngày 12/12/2013);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Kiều Vân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

